

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/HNGĐ-ST;

Ngày: 30-6-2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Hân.

Bà Bào T1 Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Dương Thị Lệ T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T1 xin vắng mặt và chị T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh và chị Dương Thị Lệ T1 sống chung từ năm 2007, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu

thuần về kinh tế nên vợ chồng sống không hạnh phúc, anh và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nên anh yêu cầu ly hôn với chị T1.

Về con chung: Có 01 con tên Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/6/2008, hiện cháu N đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Dương Thị Lệ T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn, về yêu cầu nuôi con.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị Lệ T1, yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn chị Dương Thị Lệ T1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị Lệ T1 sống chung từ năm 2007, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T xin ly hôn với chị T1 với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ

chồng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng sống không hạnh phúc, anh T và chị T1 đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Anh T xin vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị T1; phía chị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa cho thấy chị T1 không có ý cứu vãn cuộc hôn nhân giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/6/2008, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N đang sống với anh T đã ổn định về chỗ ở, về tâm lý, về điều kiện sinh hoạt và học tập, đồng thời cháu N có nguyện vọng muốn được sống với anh T nên cần tiếp tục để cháu N tiếp tục sống với anh T. Phía chị T1 không có văn bản ý kiến trình bày ý kiến về việc nuôi con chung cho thấy chị T1 đã từ bỏ quyền yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Dương Thị Lệ T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 26/6/2008 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động được.

Chị Dương Thị Lệ T1 được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006166 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy anh T đã nộp xong án phí.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

